

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 721/2018/HSPT

Ngày: 07- 11 - 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI
Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Văn Quang

Các Thẩm phán

Ông Ngô Tiến Phong

Bà Phạm Thị Thu Hà

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Công Huy - Cán bộ
Toà án nhân dân thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Minh Hải - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 07 tháng 11 N 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, mở phiên tòa công khai xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 712/2018/HSPT ngày 16 tháng 10 N 2018 với bị cáo Lê Thị N do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 136/2018/HS-ST ngày 11/9/2018 của Tòa án nhân dân huyện T, thành phố Hà Nội.

Bị cáo kháng cáo: **LÊ THỊ N**, sinh N 1981; giới tính nữ; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú thôn 2, xã Q, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa; Quốc tịch Việt Nam; Dân tộc Kinh; Tôn giáo không; Nghề nghiệp lao động tự do; Trình độ văn hoá 7/12; Con ông Lê Doãn Th và bà Lê Thị C; Có chồng là Phạm Văn Tr (đã ly hôn) và có 01 con nuôi sinh N 2012; Tiền án, tiền sự không; Bắt khẩn cấp và tạm giữ ngày 10/5/2018; hủy bỏ biện pháp ngăn chặn ngày 12/5/2018; Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Đặng Thành Chung – Luật sư Công ty luật An Ninh, thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội - có mặt.

Người liên quan trong vụ án: Chị Lương Thị H, sinh N 1985; chỗ ở thôn Văn lâm, xã L, thành phố P, tỉnh Hà Nam – vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Hà Nội và Bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện T, Hà Nội thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có quen biết với Lê Thị N nên chiều tối ngày 09/5/2018, Trần Trung H đã nhắn tin vào máy điện thoại của N để thỏa thuận việc mua bán dâm. N đồng ý bán dâm và sẽ gọi thêm một phụ nữ nữa bán dâm cho H và bạn của H. Khoảng 22 giờ cùng ngày, N đến nhà nghỉ Hướng Dương ở xã H, huyện T, Hà Nội gặp H. Tại đây, H thỏa thuận với N giá mua bán dâm là 400.000 đồng/người một lần bán dâm; hai người là 800.000 đồng cộng thêm 100.000 đồng H cho N để N nạp thẻ điện thoại, N đồng ý. Sau đó, N đã nói với Lương Thị H là nhân viên tầm quất của N đi bán dâm cho khách với giá 400.000 đồng.

Khi N và Hà đến nhà nghỉ Hướng Dương thì H đã thuê hai phòng nghỉ 101 và 105. N cùng H đi vào phòng 105, Lương Thị H cùng Vũ Ngọc A là bạn của H vào phòng 101 để quan hệ tình dục mua bán dâm. Đến khoảng 22 giờ 45 phút cùng ngày khi các đối tượng đang thực hiện hành vi mua bán dâm thì bị Cơ quan công an kiểm tra, phát hiện và thu giữ vật chứng gồm: 01 bao cao su đã qua sử dụng. Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra thu giữ được số tiền 900.000 đồng và 01 điện thoại di động Nokia 108 màu đen.

Tại Cơ quan điều tra, Lê Thị N khai nhận hành vi như đã nêu trên.

Đối với hành vi mua bán dâm của Lê Thị N, Lương Thị H, Trần Trung H và Vũ Ngọc A, Công an huyện T đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

Đối với bà Đinh Thị N là chủ nhà nghỉ Hướng Dương, khi cho thuê phòng nghỉ không biết N, H, Hà, Ngọc A đến thuê phòng để thực hiện hành vi mua bán dâm nhưng không vào sổ lưu trú, thiếu tinh thần trách nhiệm để xảy ra hoạt động mại dâm tại cơ sở mình quản lý nên đã bị cơ quan chức năng xử phạt hành chính theo quy định.

Hồ sơ bệnh án do gia đình N cung cấp thì N bị ung thư vú gia đoạn IIA, đã điều trị tại Bệnh viện K - cơ sở Tam Hiệp.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 136/2018/HS-ST ngày 11/9/2018 của Tòa án nhân dân huyện T, thành phố Hà Nội đã xét xử:

Tuyên bố: Bị cáo Lê Thị N phạm tội "Môi giới mại dâm"

Áp dụng khoản 1 Điều 328; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 54 – Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Lê Thị N 04 (bốn) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 10/5/2018 đến 12/5/2018.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo của những người tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 13/9/2018, bị cáo Lê Thị N có đơn kháng cáo xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, chỉ đề nghị xem xét khoan hồng cho bị cáo được hưởng án treo để bị cáo có điều kiện chữa bệnh và chăm sóc con nhỏ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: Căn cứ lời khai của bị cáo tại phiên tòa và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở kết luận việc Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Môi giới mại dâm” theo quy định tại khoản 1 Điều 328 Bộ luật hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng pháp luật. Khi quyết định hình phạt,

Toà án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ hành vi phạm tội cũng như nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để xử phạt bị cáo 04 tháng tù là cần thiết. Tuy nhiên, xét bị cáo phạm tội có mức độ; bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự qui định tại các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015; hiện nay bị cáo mắc bệnh hiểm nghèo; hoàn cảnh gia đình khó khăn; bị cáo có nơi thường trú cụ thể rõ ràng. Căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xét thấy bị cáo có đủ điều kiện để được hưởng án treo. Do đó, có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo.

Từ phân tích trên, đề nghị áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự, xử phạt bị cáo 04 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 tháng kể từ ngày tuyên án phúc thẩm. Giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Luật sư bào chữa cho bị cáo trình bày: về tội danh và điều luật áp dụng, mức hình phạt nhất trí với bản án sơ thẩm và đồng tình với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tại phiên tòa, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lưu ý cho bị cáo một số tình tiết sau đây để khoan hồng cho bị cáo được cải tạo ngoài xã hội: Sau khi bị bắt, bị cáo đã rất thành khẩn và tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; nhân thân chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; hoàn cảnh gia đình bị cáo rất khó khăn, vợ chồng ly hôn, hiện nay bị cáo đang nuôi con nhỏ, trong khi bản thân bị cáo đang mang bệnh hiểm nghèo (bị cáo bị ung thư vú đang điều trị); gia đình bị cáo có công với cách mạng; bị cáo có nơi thường trú cụ thể rõ ràng. Để tạo điều kiện cho bị cáo điều trị bệnh và nuôi con nhỏ, kính đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015, cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về tố tụng: Kháng cáo của bị cáo trong thời hạn luật định nên hợp lệ được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Về nội dung: Tại phiên tòa bị cáo khai nhận tội như nội dung án sơ thẩm đã quy kết. Căn cứ lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của những người liên quan và các tài liệu khác có trong hồ sơ có đủ cơ sở để kết luận:

Khoảng 22 giờ 45 phút ngày 09/5/2018, tại nhà nghỉ Hướng Dương ở xã H, huyện T, TP Hà Nội; Lê Thị N đã có hành vi làm trung gian, dẫn dắt để Lương Thị H và Vũ Ngọc A thực hiện việc mua bán dâm với nhau và được hưởng lợi 100.000 đồng. Với hành vi nêu trên của bị cáo Lê Thị N, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo về tội “Môi giới mại dâm” theo khoản 1 Điều 328 Bộ luật Hình sự năm 2015 là đúng.

Xét kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: Hành vi phạm tội của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm nếp sống văn minh, văn hóa và trật tự công cộng, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự trên địa bàn thủ đô. Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ hành vi phạm tội cũng như nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để xử phạt bị cáo mức án 04 tháng tù là cần thiết. Tuy nhiên, xét bị cáo phạm tội có mức độ, do nhận thức pháp luật còn hạn chế nên khi đối tượng mua dâm Trần Trung H biết bị cáo làm nghề mại dâm đã nhờ bị cáo gọi thêm người để đi bán dâm cho H và bạn H; bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, như: Nhân thân chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, thật sự ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bản thân bị cáo đang mang bệnh hiểm nghèo (ung thư vú); hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, vợ chồng ly hôn, bản thân đang

nuôi con nhỏ; gia đình bị cáo có công với cách mạng; bị cáo có nơi thường trú, cụ thể rõ ràng; bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, xét thấy bị cáo có đủ điều kiện để được hưởng án treo. Mặt khác, hiện nay bị cáo đang mắc bệnh hiểm nghèo và nuôi con nhỏ, nên việc cho bị cáo được cải tạo ngoài xã hội thì cũng không gây nguy hại gì cho xã hội và để tạo điều kiện cho bị cáo có điều kiện điều trị bệnh và chăm sóc con nhỏ. Với việc phân tích nêu trên, xét thấy có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo.

Về án phí: Do kháng cáo của bị cáo được chấp nhận, vì vậy bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật hình sự năm 2015;

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Thị N, sửa một phần quyết định của bản án sơ thẩm, xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 328; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 54; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Lê Thị N 04 (bốn) tháng tù về tội “Môi giới mại dâm” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 tháng kể từ ngày tuyên án phúc thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân xã xã Q, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm cùng với Ủy ban nhân dân xã Q, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách của án treo.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Về án phí: Áp dụng Điều 99 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH 12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Án phí, Lệ phí Tòa án; Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Lê Thị N không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kết từ ngày tuyên án 07/11/2018.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Hà Nội;
- TAND huyện T;
- VKSND huyện T;
- Công an huyện T;
- T.H.A dân sự huyện T;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án, lưu VP .

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Mai Văn Quang

